

NHU CẦU ĐÀO TẠO LIÊN TỤC CỦA CỰU SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI NĂM 2022

Nguyễn Thành Trung¹, Nguyễn Thị Thanh Hương²,
Nguyễn Dương Truyền¹, Vũ Ngọc Hà¹, Mạc Đăng Tuấn¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định nhu cầu đào tạo liên tục của cựu sinh viên Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được tiến hành trên 182 đối tượng cựu sinh viên trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN. **Kết quả:** Nhu cầu đào tạo liên tục của cựu sinh viên trong thời gian sắp tới là 75,3%. Về nội dung, ngành Y khoa mong muốn được học nhiều nhất là siêu âm cơ bản (15,3%), nội soi cơ bản (11,7%), cập nhật phác đồ (8,8%), thấp nhất là vi phẫu (2,2%); ngành Dược học mong muốn được học nhiều nhất là cập nhật kiến thức dược (13,9%), dược lâm sàng (6,6%), thấp nhất là kiểm nghiệm thuốc (2,2%) và ADR bệnh viện (2,2%). Về thời gian đào tạo, chủ yếu là 6 tháng (39,4%), thấp nhất là 1 tháng và 9 tháng (6,6%). Về địa điểm học, phần lớn là tại bệnh viện (38,7%), tại trường ĐHYD, ĐHQGHN chiếm 16,1%. Về kinh phí, nguyện vọng theo quy định chiếm nhiều nhất (40,9%), thấp nhất là miễn phí (10,2%). Lý do mong muốn đào tạo chủ yếu là cập nhật kiến thức (40,9%), nâng cao chuyên môn (32,8%), cấp chứng chỉ (24,1%). **Kết luận:** Nhu cầu đào tạo liên tục trong thời gian sắp tới là rất lớn với các nội dung siêu âm, nội soi, cập nhật kiến thức,... trong thời gian học chủ yếu là 6 tháng tại bệnh viện, tại trường.

Từ khóa: đào tạo liên tục, cựu sinh viên.

SUMMARY

DEMAND FOR CONTINUING MEDICAL EDUCATION OF ALUMNI STUDENTS AT UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY- VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI IN 2022 AND RELATED FACTORS

Objective: Survey demand for continuing medical education (CME) of alumni students at University of Medicine and Pharmacy (UMP), Vietnam National University, Hanoi and related factors. **Subject and Methods:** A cross-sectional descriptive study on the subject of alumni students at University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University, Hanoi. **Results:** Demand for CME alumni students next time is significantly high (75,3%). In terms of the contents, the medical alumni students would like to ultrasound (15,3%), endoscopy (11,7%), protocol updating (8,8%), internal skin aesthetic

(6,6%), assisted reproduction (5,1%), pediatric (3,6%), microsurgery (2,2%) and others (5,8%). Within the pharmacy major, the most content they need is updating pharmacy knowledge (13,9%), clinical pharmacy (6,6%), production and drugs preservation (5,1%), drug testing (2,2%), ADR in hospital (2,2%) and other contents (15%). Regarding education time, alumnis who spent 6 months take the majority with 39,4%, following up in orders are 3-month period, 1-week and finally 1-month and 9-month with the same figures of 6,6%. In terms of location, alumni would like to learn at the hospital (38,7%), training agencies (25,5%), in University of Medicine and Pharmacy (16,1%), online (19,7%). Besides, they expect that the learning costs according to the rules (40,9%), self-sufficient (28,5%), supported (20,4%) and free (10,2%). The alumnis want to join CME for some reasons: updating knowledge (40,9%), enhancing specialization (32,8%), getting certification (21,4%), discussing knowledge (1,5%) and simply like (0,7%). The ratio of alumni students who know about CME is 49,3% when they were studying at their school. Some factors related to CME are age, major, marriage, part-time job, income. A few difficulties at agencies and CME are lack of something as knowledge (24,2%), costs (22,5%), skills (14,5%), time (12,6%), equipments (12,1%), drugs (7,7%), major materials (1,9%) and guiders (0,6%). The ratio without difficulty is 3,9%. **Conclusion:** The need for continuing medical education for alumni students next time is very high with content training (ultrasound, endoscopy, updating knowledge,...). The educational time is mostly about 6 months at hospital and university, using the learning costs according to the rules.

Keywords: CME, alumni students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo liên tục là một hình thức bảo đảm duy trì, cập nhật trình độ, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp của nhân viên y tế trong các cơ sở y tế nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ và bảo đảm chất lượng dịch vụ y tế. Vai trò của đào tạo liên tục trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng của hệ thống chăm sóc y tế ngày càng trở nên quan trọng.

Trong Luật khám chữa bệnh 23/11/2009, quyền được nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ y tế được quy định tại điều 33, điều 37 và điều 83[3]. Ngày 8/4/2014 Bộ Y tế đã ký Quyết định về việc ban hành "Chiến lược đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030"[4]. Đặc biệt, ngày 9/8/2013, Bộ Y tế ban hành Thông tư số

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

²Bệnh viện Thanh Nhàn

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thành Trung

Email: thanhtrungnguyen.smp@gmail.com

Ngày nhận bài: 5.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 19.7.2023

Ngày duyệt bài: 8.8.2023

22/2013/TT-BYT "Hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế", thay Thông tư số 07/2008/TT-BYT ngày 28/5/2008. Ngày 28/12/2020, Bộ Y tế ban hành Thông tư 26/2020/TT-BYT sửa đổi Thông tư 22/2013/TT-BYT hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế.

Mặc dù đã có những thay đổi tích cực trong việc tăng số lượng nguồn nhân lực y tế nói chung và nguồn nhân lực cho y tế cơ sở nói riêng, nhưng trên thực tế ngành y tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển nguồn nhân lực. Tình trạng thiếu nhân lực y tế nói chung và nhân lực có trình độ ở y tế cơ sở vẫn còn là vấn đề đáng lo ngại. Theo kết quả nghiên cứu của Viện Chiến lược và chính sách y tế, tình trạng biến động cán bộ tại tuyến huyện, xã là một vấn đề cần phải quan tâm. Số cán bộ nghỉ việc, chuyển đi ở các cơ sở y tế tuyến huyện (bệnh viện huyện, trung tâm y tế huyện) bằng 50% số cán bộ mới tuyển dụng [5].

Đào tạo cho cán bộ y tế không chỉ để nâng cao chất lượng dịch vụ y tế mà còn là một giải pháp thu hút, duy trì nguồn nhân lực y tế ổn định và định hướng lâu dài.

Với kiến thức, kỹ năng học tập và nỗ lực không ngừng, trong những năm qua, nhiều thế hệ cựu sinh viên Trường Đại học Y Dược-ĐHQGHN đã đạt nhiều thành công đáng kể tại các cơ sở y tế, bệnh viện, công ty dược,...trong và ngoài nước. Nhà trường là cơ sở đào tạo tin cậy, cung cấp nguồn nhân lực y tế chất lượng, đóng góp vào hệ thống y tế của cả nước.

Cho đến nay chưa có nhiều khảo sát và đánh giá nhu cầu đào tạo liên tục cho cựu sinh viên. Vì lý do trên và góp phần tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo liên tục trong hệ thống y tế, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài "Nhu cầu đào tạo liên tục của cựu sinh viên Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN năm 2022 và một số yếu tố liên quan" với mục tiêu: *Xác định nhu cầu đào tạo liên tục của cựu sinh viên Trường Đại học Y Dược- Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Là cựu sinh viên khóa 1, 2, 3, 4, 5 Trường Đại học Y Dược-Đại học Quốc gia Hà Nội bao gồm các ngành Y đa khoa, Dược học và đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành tại trường Đại học Y Dược-ĐHQGHN từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2022.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu và cách chọn mẫu: Chọn toàn bộ cựu sinh viên trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội đang công tác, học tập trên cả nước. Trên thực tế, chúng tôi đã thu thập được thông tin của 182 cựu sinh viên đủ điều kiện tham gia nghiên cứu.

Các biến số trong nghiên cứu

- Một số đặc điểm của cựu sinh viên: tuổi, ngành học, tình trạng hôn nhân, đi làm thêm, mức thu nhập.

- Nhu cầu đào tạo liên tục: ngành, nội dung, thời gian, địa điểm, kinh phí, lý do mong muốn.

- Một số yếu tố liên quan: kiến thức, kỹ năng, thời gian, kinh phí.

2.4. Nhập liệu và xử lý số liệu. Số liệu thu thập được nhập bằng mẫu khảo sát trực tuyến, sau đó xuất file số liệu để phân tích trên phần mềm STATA 16.0: trung bình, độ lệch chuẩn, phương sai đối với các đối với các biến định lượng, các biến số định tính được trình bày theo tần suất, tỷ lệ %.

2.5. Đạo đức nghiên cứu. Nghiên cứu có sự đồng ý của cơ sở nghiên cứu và sự tham gia tự nguyện của đối tượng nghiên cứu. Trước khi tham gia, đối tượng nghiên cứu được cung cấp rõ ràng, đầy đủ thông tin liên quan đến mục tiêu và nội dung nghiên cứu. Đối tượng có quyền từ chối hoặc rút lui khi tham gia nghiên cứu. Thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu được bảo mật. Trung thực trong xử lý số liệu. Đảm bảo trích dẫn chính xác về nguồn tài liệu tham khảo

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Một số đặc điểm của cựu sinh viên

Bảng 3.1. Một số đặc điểm của cựu sinh viên (n=182)

Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Tuổi	≤24 tuổi	58	31,9
	>24 tuổi	124	68,1
Giới	Nam	66	36,3
	Nữ	116	63,7
Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn	143	78,6
	Đã kết hôn	39	21,4
Ngành học	Y khoa	108	59,3
	Dược học	74	40,7
Hình thức lao động	Biên chế	22	12,1
	Hợp đồng	149	81,8
	Chưa đi làm	11	6,1
Đi làm thêm	Có	53	29,1
	Không	129	70,9
Mức thu nhập	<5 triệu/ tháng	26	14,3
	5-10 triệu/ tháng	70	38,5
	>10 triệu/ tháng	86	47,2

Nhận xét: Cựu sinh viên ngành Y (59,3%), Dược học (40,7%), chủ yếu trên 24 tuổi (68,1%), tỉ lệ nữ (63,7%) nhiều hơn nam giới, chưa kết hôn (78,6%), làm hợp đồng (81,8%), không đi làm thêm (70,9%) và có thu nhập >10 triệu/ tháng chiếm tỉ lệ cao nhất (47,2%).

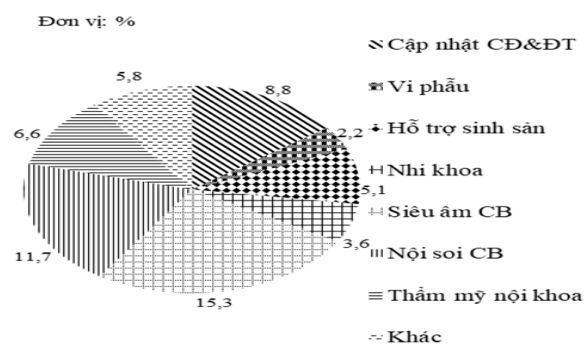
3.2. Nhu cầu đào tạo liên tục của cựu sinh viên trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN

Bảng 2. Nhu cầu đào tạo liên tục của cựu sinh viên (n= 182)

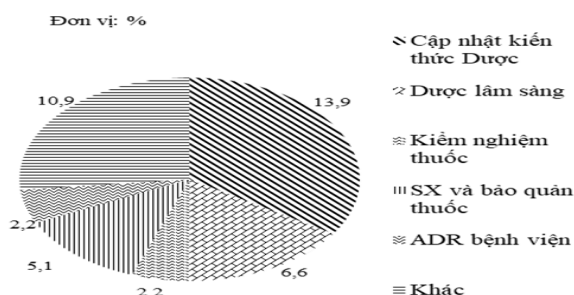
Nhu cầu ĐTLT		Số lượng (n)	Tỉ lệ (%)
Ngành	Y khoa	87	63,5
	Dược học	50	36,5
Thời gian	1 tuần	24	17,5
	1 tháng	9	6,6
	3 tháng	41	29,9
	6 tháng	54	39,4
	9 tháng	9	6,6
Địa điểm	Tại bệnh viện	53	38,7
	Tại cơ quan/đơn vị đào tạo	35	25,5
	Tại Trường ĐHYD, ĐHQGHN	22	16,1
	Online	27	19,7
Kinh phí	Được hỗ trợ	28	20,4
	Theo quy định	56	40,9
	Tự túc	39	28,5
	Miễn phí	14	10,2
Lý do	Cập nhật kiến thức	56	40,9
	Nâng cao chuyên môn	43	32,8
	Cấp chứng chỉ liên quan	33	24,1
	Trao đổi kiến thức kinh nghiệm	2	1,5
	Sở thích	1	0,7

Nhận xét: Ngành Y khoa có nhu cầu đào tạo liên tục (63,5%) nhiều hơn ngành Dược học, trong thời gian học chủ yếu là 6 tháng (39,4%), tại bệnh viện (38,7%), tại trường ĐHYD là 16,1%. Nguyên vọng về kinh phí theo quy định (40,9%), lý do mong muốn học chủ yếu là cập nhật kiến thức, nâng cao chuyên môn và cấp chứng chỉ.

Nội dung mong muốn đào tạo (ngành Y khoa)



Nội dung mong muốn đào tạo (ngành Dược học)



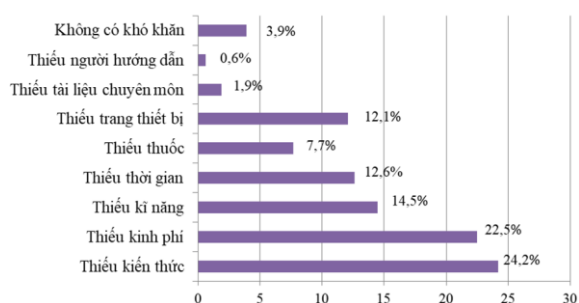
Biểu đồ 1. Nội dung mong muốn đào tạo liên tục ngành Y khoa và Dược học

Nhận xét: Nội dung mong muốn được đào tạo của cựu sinh viên ngành Y khoa nhiều nhất là siêu âm cơ bản (15,3%), tiếp đến là nội soi cơ bản (11,7%), nội dung thấp nhất là vi phẫu (2,2%).

Với ngành Dược học, nội dung mong muốn được học nhiều nhất là cập nhật kiến thức Dược (13,9%), thấp nhất là kiểm nghiệm thuốc và ADR bệnh viện cùng chiếm 2,2%.

3.3. Một số khó khăn của cựu sinh viên Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN liên quan đến đào tạo liên tục

Một số khó khăn của cựu sinh viên



Biểu đồ 2. Một số khó khăn của cựu sinh viên liên quan đến đào tạo liên tục

Nhận xét: Một số khó khăn của cựu sinh viên liên quan đến đào tạo liên tục như thiếu kiến thức chiếm tỉ lệ cao nhất (24,2%), thiếu kinh phí (22,5%), thiếu kĩ năng (14,5%), thiếu thời gian (12,6%), thiếu trang thiết bị (12,1%), thiếu thuốc (7,7), thiếu tài liệu chuyên môn (1,9%) và thiếu người hướng dẫn (0,6%). Tỉ lệ không gặp khó khăn chiếm 3,9%.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Một số đặc điểm của cựu sinh viên.

Một số đặc điểm của cựu sinh viên trường Đại học Y Dược- ĐHQHN bao gồm giới, tuổi, ngành, tình trạng hôn nhân, hình thức lao động, đi làm thêm và mức thu nhập hàng tháng. Qua nghiên cứu cho thấy cựu sinh viên nữ chiếm tỷ lệ nhiều

hơn (63,7%), nam (36,3%). Về nhóm tuổi, cựu sinh viên phần lớn là trên 24 tuổi (68,1%), dưới 24 tuổi (31,9%). Nhóm trên 24 tuổi là các sinh viên tốt nghiệp từ một năm trở lên, đã đi làm, không quá xa lạ với các khóa học đào tạo liên tục. Nhóm dưới 24 tuổi là các sinh viên vừa mới tốt nghiệp/ đã tốt nghiệp được 1 năm (đối với ngành Dược học), đây là nhóm nhân lực y tế trẻ với nhiều nhiệt huyết, năng động tuy nhiên kiến thức, kinh nghiệm chưa nhiều, chính vì vậy cần tham gia đào tạo liên tục. Về chuyên môn, ngành Y khoa chiếm 59,3% và ngành Dược học chiếm 40,7%. Về tình trạng hôn nhân, có 21,4% cựu sinh viên đã kết hôn, chưa kết hôn chiếm 78,6%. Về hình thức lao động, phần lớn là hợp đồng (81,8%), biên chế (12,1%), chưa đi làm (6,1%). Thực tế cho thấy các cơ quan tuyển dụng ban đầu đều ký hợp đồng lao động, số biên chế ít hơn vì phụ thuộc vào các đợt thi tuyển của từng đơn vị. Về thu nhập, trên 10 triệu/tháng (47,2%), từ 5 đến 10 triệu/tháng (38,5%), dưới 5 triệu/ tháng (14,3%). Đây là một tín hiệu đáng mừng vì nguồn thu nhập cao vừa giúp họ có thể trang trải cuộc sống, vừa đảm bảo kinh phí để tham gia học hỏi, nâng cao kiến thức, kỹ năng phục vụ công tác chuyên môn. Đặc biệt, các lớp đào tạo liên tục có thời gian học ngắn, lệ phí học tập và cấp chứng chỉ phù hợp nên vấn đề kinh phí không còn là rào cản đối với các cựu sinh viên.

4.2. Khảo sát nhu cầu đào tạo liên tục cựu sinh viên Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN. Trong thời gian sắp tới, nhu cầu đào tạo liên tục của cựu sinh viên trường ĐHYD, ĐHQGHN là rất lớn, chiếm tỉ lệ 75,3%. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huấn (2019) là 74,9%[2]. Sự khác biệt này có thể do khác nhau về địa điểm và thời gian nghiên cứu và do sự phát triển của ngành Y tế, cập nhật liên tục của kiến thức Y khoa và nhu cầu học hỏi ngày càng lớn của nhóm cán bộ y tế trẻ nên tỷ lệ cựu sinh viên có nhu cầu tham gia đào tạo liên tục tăng lên.

Nội dung mong muốn được đào tạo của ngành Y khoa nhiều nhất là siêu âm cơ bản (15,3%), nội soi cơ bản (11,7%), thấp nhất là vi phẫu (2,2%). Có thể thấy do nhu cầu xã hội và đây cũng là hai lĩnh vực có nhiều cơ hội việc làm, đặc biệt có thể làm thêm ngoài giờ đem lại nguồn thu nhập cho cựu sinh viên. Với ngành Dược học, nội dung mong muốn nhiều nhất là cập nhật kiến thức Dược (13,9%), thấp nhất là kiểm nghiệm thuốc và ADR bệnh viện (2,2%).

Về thời gian đào tạo, chủ yếu là 6 tháng (39,4%), 3 tháng (29,1%), 1 tuần (18,3%), thấp

nhất là 1 tháng và 9 tháng (cùng chiếm tỉ lệ 6,6%). Các lớp học 3 tháng, 6 tháng là thời gian học không quá ngắn, không quá dài đủ để học viên có thể lĩnh hội được kiến thức cơ bản cần thiết phục vụ chuyên môn. Ngoài ra, xu thế hiện nay có rất nhiều khóa học, tiết học đào tạo liên tục cấp chứng chỉ ngay sau khi học, thời gian dưới 1 tuần, thậm chí chỉ 1- 2 tiết học có ưu điểm thời gian học rất ngắn và vẫn đảm bảo được cấp chứng chỉ.

Về địa điểm, mong muốn nhiều nhất là bệnh viện (38,7%), tại cơ quan/ đơn vị đào tạo (25,5%), tại trường ĐHYD (16,1%) và online (19,7%). Kết quả này cho thấy không có sự chênh lệch quá lớn giữa các địa điểm mong muốn đào tạo do ngày nay việc đi lại giữa các địa điểm học và nơi công tác khá thuận lợi.

Về kinh phí đào tạo, nguyện vọng theo quy định chiếm nhiều nhất (40,9%), tự túc (28,5%), được hỗ trợ (20,4%), miễn phí đào tạo (10,2%). Kết quả này không tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huấn với nhóm mong muốn được hỗ trợ kinh phí chiếm cao nhất (66,9%)[2], nghiên cứu của Nguyễn Hải Hà với 80,8% các đối tượng mong muốn nhận được kinh phí hỗ trợ [1]. Với nghiên cứu này, cựu sinh viên đa phần chủ động được kinh phí đào tạo, có thể xuất phát từ mức thu nhập hàng tháng trên 10 triệu/tháng chiếm đại đa số, trong khi với nghiên cứu của Nguyễn Ngọc Huấn (2019) và Nguyễn Hải Hà (2017) trên các đối tượng nhân viên y tế tại TTYT huyện gặp khó khăn hơn về tài chính do mức thu nhập ở y tế tuyến dưới còn chưa cao.

Lý do mong muốn đào tạo chủ yếu là cập nhật kiến thức (40,9%), nâng cao chuyên môn (32,8%), cấp chứng chỉ (24,1%), trao đổi kiến thức (1,5%), thích học (0,7%). Các lý do này phù hợp bối cảnh kiến thức y học và phác đồ thay đổi thường xuyên, các cán bộ y tế, đặc biệt các cựu sinh viên mới ra trường hoặc chưa có nhiều kiến thức trong hành nghề là đối tượng càng phải học hỏi, tích lũy cả kiến thức và kỹ năng phục vụ công tác chuyên môn. Chính vì vậy, để đáp ứng các quy định về đào tạo liên tục cũng như để đào tạo liên tục trở thành một hoạt động thường quy, cần phổ biến rộng rãi hơn đến các đối tượng người học, bao gồm cựu sinh viên và cả nhóm sinh viên sắp tốt nghiệp nắm bắt được thông tin và có định hướng tham gia các khóa đào tạo liên tục.

4.3. Một số khó khăn của cựu sinh viên liên quan đến đào tạo liên tục. Cựu sinh viên khi tham gia đào tạo liên tục gặp không ít những khó khăn, trong đó thiếu kiến thức chiếm tỉ lệ

cao nhất (24,2%), thiếu kinh phí (22,5%), thiếu kỹ năng (14,5%), thiếu thời gian (12,6%), thiếu trang thiết bị (12,1%), thiếu thuốc (7,7%), thiếu tài liệu chuyên môn (1,9%) và thiếu người hướng dẫn (0,6%). Chính vì vậy cần có giải pháp khắc phục trong tổ chức đào tạo. Tỷ lệ không gặp khó khăn khi tham gia đào tạo liên tục chiếm 3,9%.

V. KẾT LUẬN

5.1. Xác định nhu cầu đào tạo liên tục cựu sinh viên Trường Đại học Y Dược-ĐHQGHN

- Tỷ lệ cựu sinh viên có nhu cầu tham gia đào tạo liên tục chiếm 75,3%.

- Về nội dung đào tạo

+ Ngành Y khoa: Siêu âm cơ bản (15,3%), Nội soi cơ bản (11,7%), Cập nhật phác đồ (8,8%), Thẩm mỹ da nội khoa (6,6%), Hỗ trợ sinh sản (5,1%), Nhi khoa (3,6%).

+ Ngành Dược học: Cập nhật kiến thức (13,9%), Dược lâm sàng (6,6%), Sản xuất & bảo quản thuốc (5,1%), Kiểm nghiệm thuốc (2,2%), ADR bệnh viện (2,2%).

- Về thời gian đào tạo: 6 tháng (39,4%), 3 tháng (29,1%), 1 tuần (18,3%), 1 tháng (6,6%) và 9 tháng (6,6%).

- Về địa điểm đào tạo: tại bệnh viện (38,7%), tại cơ quan/ đơn vị đào tạo (25,5%), tại trường ĐHY Dược (16,1%) và online (19,7%).

5.2. Một số khó khăn của cựu sinh viên liên quan đến đào tạo liên tục. Trong quá trình tham gia đào tạo liên tục, cựu sinh viên gặp phải một số khó khăn: thiếu kiến thức (24,2%), thiếu kinh phí (22,5%), thiếu kỹ năng (14,5%), thiếu thời gian (12,6%), thiếu trang thiết bị (12,1%). Tỷ lệ không gặp khó khăn khi tham gia đào tạo liên tục chỉ chiếm 3,9%.

VI. LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn đến Trường ĐHY Dược, ĐHQGHN, cơ quan chủ trì đề tài "Nhu cầu đào tạo y khoa liên tục của cựu sinh viên Trường ĐHY Dược, ĐHQGHN và một số yếu tố liên quan" với mã số CS.22.10 đã hỗ trợ một phần về kinh phí để đề tài được tiến hành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hải Hà (2017), "Thực trạng đào tạo liên tục cho các bộ Dược sĩ ở các Bệnh viện tại Thành phố Hải Dương năm 2017".
2. Nguyễn Ngọc Huân (2019), "Thực trạng và nhu cầu đào tạo liên tục của nhân viên y tế tại Trung tâm Y tế huyện Sóc Sơn năm 2019".
3. Bộ Y tế (2009), "Luật Khám bệnh, chữa bệnh", tr. 15, 16, 38.
4. Bộ Y tế (2013), "Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 9 tháng 8 năm 2013 của Bộ Y tế về Hướng dẫn đào tạo liên tục trong lĩnh vực y tế".
5. Viện Chiến lược và Chính sách y tế (2012), "Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng thu hút và duy trì nhân lực y tế ở khu vực miền núi".

ĐÁNH GIÁ ĐỘC TÍNH TẾ BÀO CỦA KHỚP LIÊN ĐỐT NGÓN TAY SILICONE DO VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU Y SINH CHẾ TẠO

Lê Thị Hồng Nhung¹, Lê Thị Thùy Dương², Nguyễn Văn Hoàng³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá độc tính tế bào in vitro của khớp liên đốt ngón tay silicone do Viện Nghiên cứu và Phát triển vật liệu y sinh chế tạo. **Đối tượng và phương pháp:** Đánh giá hoạt tính gây độc tế bào dòng HEK-293 (ATCC® CRL-1573™) được thực hiện dựa trên phương pháp MTT (3-(4,5-dimethylthiazol-2-yl)-2,5-diphenyltetrazolium) trên 20 mẫu thử lấy từ khớp liên đốt ngón tay silicone do Viện Nghiên cứu và Phát triển vật liệu y sinh chế tạo. **Kết quả và kết luận:** Sau khi test bằng kit MTT và tính toán các giá

trị OD, kết quả cho thấy mẫu thử không gây độc cho tế bào dòng HEK-293. **Từ khóa:** độc tính tế bào, MTT, khớp nhân tạo silicone

SUMMARY

TO ASSESS THE IN VITRO TOXICITY OF SILICONE INTERVERTEBRAL JOINTS MANUFACTURED BY THE BIOMEDICAL MATERIALS RESEARCH AND DEVELOPMENT INSTITUTE

Objective: To assess the in vitro toxicity of silicone intervertebral joints manufactured by the Biomedical Materials Research and Development Institute. **Subjects and methods:** Evaluation of HEK-293 line cytotoxic activity (ATCC® CRL-1573™) was carried out based on MTT method (3-(4,5-dimethylthiazol-2-yl)-2,5-diphenyltetrazolium) on 20 samples of silicone intervertebral joints manufactured by the Biomedical Materials Research and Development Institute. **Results and conclusions:** After testing with MTT kit, calculating OD values, the

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Viện Công nghệ sinh học

³Viện Nghiên cứu và Phát triển Vật liệu Y sinh

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thị Hồng Nhung

Email: nhunglebqx@gmail.com

Ngày nhận bài: 7.6.2023

Ngày phản biện khoa học: 20.7.2023

Ngày duyệt bài: 9.8.2023